

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 4 - 2018.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Lin.
2. Ông Nguyễn Văn Ghên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

(Chị H có mặt, anh P có yêu cầu vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 01 tháng 3 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Chị và anh Trương Văn P chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Chị và anh P đã ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Ngọc Diễm Q, sinh ngày 18/11/2000 và Trương Quốc Đ, sinh ngày 19/3/2005. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trương Ngọc Diễm Q (chị H đang nuôi); để anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Quốc Đ (anh P đang nuôi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Bị đơn anh Trương Văn P có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng tại Bản tự khai ngày 15/3/2018 anh P trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, thời gian ly thân, con chung. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 9 năm 2017 thì chị H tự ý bỏ nhà đi. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.*

Về con chung: Khi ly hôn, anh P đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trương Ngọc Diễm Q, sinh ngày 18/11/2000, anh tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Quốc Đ sinh ngày 19/3/2005, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P thống nhất trình bày không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Trương Văn P, anh P có bản tự khai và có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn P, anh P hiện có hộ khẩu thường trú và đang có mặt tại ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Văn P vắng mặt nhưng anh có đơn yêu cầu vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trương Văn P chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa anh H và anh P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị H và anh P phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn

nên chị H yêu cầu ly hôn. Anh P xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai anh cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa.

Xét thấy, chị H, anh P đều trình bày tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn nhưng Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh P là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung: Chị H và anh P thống nhất có hai con chung gồm: Trương Ngọc Diễm Q, sinh ngày 18/11/2000 và Trương Quốc Đ, sinh ngày 19/3/2005. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trương Ngọc Diễm Q (chị H đang nuôi); đề anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Quốc Đ (anh P đang nuôi). Anh P vắng mặt nhưng tại bản tự khai, anh thống nhất về việc nuôi con chung như yêu cầu của chị H. Tại bản tự khai, Diễm Q có nguyện vọng sống với chị H; Quốc Đ có nguyện vọng sống với anh P.

Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung của chị H, anh P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh P đều có lời trình bày không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị H trình bày không có, tại bản tự khai anh P cũng trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Trương Văn P về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Trương Văn P.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trương Ngọc Diễm Q, sinh ngày 18/11/2000; anh Trương Văn P được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trương Quốc Đ, sinh ngày 19/3/2005. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung vì không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, chị H được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002309 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Chị H không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, chị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh P vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hoà;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện Đức Hoà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trần Thị Kim Thanh**